

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2024

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN NGUYỆN VỌNG 2
TUYỂN SINH BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2024

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 2	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
1	716205	Nguyễn Ngọc	Phong	Nam	19/04/2000	Đắk Lắk	Ngoại - Nhi	Miễn	8,67	7,92	7,83	24,42
2	716143	Lê Thị Phương	Linh	Nữ	02/12/2000	Quảng Ngãi	Ngoại - Nhi	Miễn	9,08	8,08	6,75	23,91
3	716217	Hoàng Thiên	Phước	Nam	02/01/2000	Nam Định	Ngoại - Nhi	Miễn	9,17	7,67	6,83	23,67
4	716135	Nguyễn Hữu	Kỳ	Nam	12/11/2000	Hà Tĩnh	Ngoại - Nhi	Miễn	8,75	7,92	6,33	23
5	716215	Võ Hồng	Phúc	Nam	28/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	8,83	7,83	6	22,66
6	716113	Lê Thị Hồng	Huyền	Nữ	07/12/2000	Phú Yên	Ngoại - Nhi	Miễn	7,67	8	6,83	22,5
7	716177	Nguyễn Thị Hồng	Ngành	Nữ	06/06/2000	Bến Tre	Ngoại - Nhi	Miễn	8,17	8,17	5,92	22,26
8	716336	Đặng Anh	Việt	Nam	10/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	8,33	7,25	6,25	21,83
9	716060	Nguyễn Vũ Trường	Giang	Nam	21/10/2000	Quảng Nam	Ngoại - Nhi	Miễn	7,33	7,67	6,67	21,67
10	716248	Huỳnh Lê	Tân	Nam	13/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	8,5	7,42	5,75	21,67
11	716219	Danh Huỳnh Nhật	Phương	Nữ	21/08/2000	Kiên Giang	Ngoại - Nhi	Miễn	7,25	8	5,25	21,5
12	716080	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	20/09/2000	Quảng Trị	Ngoại - Nhi	Miễn	8,08	7,25	5,17	21,5
13	716128	Tần Anh	Khoa	Nam	01/01/2000	Bình Thuận	Ngoại - Nhi	Miễn	7,58	8	5,75	21,33
14	716150	Tần Đăng	Lộc	Nam	02/09/2000	Đắk Lắk	Ngoại - Nhi	Miễn	7,33	7,75	5,17	21,25
15	716120	Hoàng Hồ Kim	Khánh	Nam	15/06/2000	Quảng Trị	Ngoại - Nhi	Miễn	7,75	7,42	5,25	20,42
16	716030	Đỗ Minh	Đang	Nam	05/07/2000	Phú Yên	Ngoại - Nhi	Miễn	6,75	7,67	5,92	20,34
17	716166	Phù Lê	Mẫn	Nữ	15/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	7,25	7,33	5,42	20
18	716269	Nguy Lê Phương	Thảo	Nữ	16/05/2000	Cần Thơ	Ngoại - Nhi	Miễn	6,33	7,33	6,08	19,74
19	716287	Tịnh Thị Thanh	Thủy	Nữ	04/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	6,25	7,75	5	19
20	716117	Huỳnh Duy	Khải	Nam	03/01/2000	Đà Nẵng	Ngoại - Nhi	Miễn	5,83	7,58	5,08	18,49
21	716285	Mai Nguyễn Trang	Thư	Nữ	20/02/2000	Trà Vinh	Ngoại - Nhi	Miễn	5,75	7,08	5,08	17,91

huo

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 2	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
22	716326	Trần Văn	Tuấn	Nam	01/01/2000	Quảng Nam	Ngoại - Nhi	4,08	7,58	7,25	5,92	20,75
23	716203	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	29/07/2000	Nghệ An	Ngoại - Nhi	Miễn	7,75	6,83	5,92	20,5
24	716191	Hồ Ngọc Lan	Nhi	Nữ	27/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	7,5	6,25	6,67	20,42
25	716009	Lê Đức	Anh	Nam	21/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	8,67	7,33	4,42	20,42
26	716018	Quách Đông	Anh	Nữ	08/06/2000	Trà Vinh	Ngoại - Nhi	Miễn	6,83	6,67	6,58	20,08
27	716256	Nguyễn Phan Quốc	Thắng	Nam	13/05/2000	Gia Lai	Ngoại - Nhi	Miễn	7,25	7,67	4,92	19,84
28	716155	Nguyễn Đức	Long	Nam	26/09/1999	Lâm Đồng	Ngoại - Nhi	Miễn	8,17	7,5	4,08	19,75
29	716220	Lê Thị Nam	Phuong	Nữ	01/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	7,42	6,58	5,5	19,5
30	716321	Đỗ Đình	Tuân	Nam	16/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	7,67	7,17	4,5	19,34
31	716332	Võ Khánh	Uyên	Nữ	15/06/2000	Quảng Ngãi	Ngoại - Nhi	Miễn	6,83	6,92	5,33	19,08
32	716090	Vũ Đức	Hợp	Nam	25/05/1999	Thái Bình	Ngoại - Nhi	Miễn	7	7,58	4,5	19,08
33	716013	Mai Đức	Anh	Nam	29/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	7,25	6,75	4,92	18,92
34	716318	Nguyễn Nhật	Trường	Nam	29/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	8	6,08	4,75	18,83
35	716340	Trần Nguyễn Quốc	Việt	Nam	01/12/2000	Bình Dương	Ngoại - Nhi	Miễn	6,92	5,83	5,83	18,58
36	716031	Văn Võ Công	Danh	Nam	07/09/2000	Long An	Ngoại - Nhi	Miễn	8,25	5,08	4,58	17,91
37	716306	Lê Thanh Anh	Trí	Nữ	31/12/2000	Tây Ninh	Ngoại - Nhi	Miễn	6,25	7,25	4,08	17,58
38	716008	Lê Đình Nguyên	Anh	Nam	23/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	6,42	7	3,92	17,34
39	716290	Lương Văn	Tiến	Nam	13/01/1999	Lâm Đồng	Ngoại - Nhi	Miễn	6,5	6,5	4,33	17,33
40	716229	Phan Trần	Quân	Nam	14/01/2000	Cà Mau	Ngoại - Nhi	Miễn	5,83	6,58	4,67	17,08
41	716171	Lê Thị Thảo	My	Nữ	07/04/2000	Bình Định	Ngoại - Nhi	Miễn	6,42	5,67	4,17	16,26
42	716282	Hoàng Minh	Thư	Nữ	21/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	6,08	5,92	4,25	16,25
43	716069	Đình Công	Hào	Nam	09/03/1999	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	4,75	5,25	6,17	4,42	15,84
44	716195	Trịnh Hoàng Trúc	Nhi	Nữ	02/01/2000	Đồng Nai	Ngoại - Nhi	Miễn	6,92	6,42	2,5	15,84
45	716345	Huỳnh Hoàng	Vũ	Nam	12/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	5,17	5,92	4,25	15,34
46	716187	Võ Thị Xuân	Nguyên	Nữ	11/03/1999	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn	5,92	5,5	3,58	15
47	716253	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	Nữ	15/06/2000	Tiền Giang	Ngoại - Nhi	Miễn	6,17	4,25	3	13,42
48	716342	Nguyễn Đình Bá	Vinh	Nam	25/12/2000	Trà Vinh	Ngoại - Nhi	Miễn	4,42	4,17	4,42	13,01
49	716035	Lê Nguyễn Phúc	Đạt	Nam	27/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn				
50	716235	Trần Hoàng Anh	Quốc	Nam	20/09/2000	Bình Thuận	Ngoại - Nhi	Miễn				

hao

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 2	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
51	716159	Nguyễn Đức	Luân	Nam	15/10/2000	Đồng Nai	Ngoại - Nhi	Miễn				
52	716011	Lương Nhật	Anh	Nam	12/12/1999	Tây Ninh	Ngoại - Nhi	Miễn				
53	716320	Cung Thiên	Tú	Nam	11/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn				
54	716192	Huỳnh Hoàng	Nhi	Nữ	27/05/2000	Bình Định	Ngoại - Nhi	Miễn				
55	716194	Phạm Khánh	Nhi	Nữ	01/01/2000	Bình Định	Ngoại - Nhi	Miễn				
56	716024	Đoàn Trần	Châu	Nam	08/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn				
57	716281	Đỗ Nguyễn Minh	Thư	Nữ	23/07/2000	Ninh Thuận	Ngoại - Nhi	Miễn				
58	716109	Phan Gia	Huy	Nam	06/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	Miễn				
59	716104	Huỳnh Quốc	Huy	Nam	29/04/2000	An Giang	Ngoại - Nhi	Miễn				
60	717145	Nguyễn Thị Hoàng	Na	Nữ	19/08/2000	Đắk Lắk	Huyết học - Truyền máu	Miễn	9,08	7,17	7,17	23,42
61	717089	Trần Công	Kha	Nam	25/07/2000	Kon Tum	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,5	7,17	7,17	22,84
62	717123	Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	21/05/2000	Đồng Nai	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,92	7,58	6,25	22,75
63	717174	Trần Công	Ngân	Nam	24/03/2000	Quảng Nam	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,42	7,08	7,08	22,58
64	717104	Lê Đăng	Khoa	Nam	26/12/2000	Tây Ninh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,75	7,17	6,58	22,5
65	717198	Trần Trọng	Phú	Nam	06/07/2000	Tây Ninh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,5	7,5	6,75	21,75
66	717010	Nguyễn Hà	Anh	Nam	16/09/2000	Lâm Đồng	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,92	7,17	6,58	21,67
67	717323	Đoàn Đặng Thu	Uyên	Nữ	08/11/2000	Cần Thơ	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7	7,17	5,92	20,09
68	717206	Lê Thị	Phương	Nữ	17/01/2000	Thanh Hóa	Huyết học - Truyền máu	Miễn	9,58	6,92	7,92	24,42
69	717012	Nguyễn Hùng	Anh	Nam	21/02/2000	Bình Định	Huyết học - Truyền máu	Miễn	9,33	6,92	6,5	22,75
70	717062	Phan Nguyễn Minh	Hạnh	Nữ	17/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,83	6,75	6,83	22,41
71	717022	Nguyễn Ngọc	Cảnh	Nam	14/02/2000	Kon Tum	Huyết học - Truyền máu	Miễn	9,08	6,83	6,33	22,24
72	717286	Đỗ Thu	Trà	Nữ	25/11/2000	Bình Định	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,67	6,67	6,75	22,09
73	717162	Lê Bảo	Ngọc	Nữ	31/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8	6,92	6,75	21,67
74	717212	Phạm Thị Minh	Quý	Nữ	27/04/2000	Đắk Lắk	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,67	6,75	6,25	21,67
75	717155	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	21/08/2000	An Giang	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,67	6,42	6,42	21,51
76	717013	Nguyễn Phi	Anh	Nữ	20/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,67	6,83	6	21,5
77	717150	Trịnh Hải	Nam	Nam	04/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,67	6,58	7	21,25
78	717157	Trần Thị Phương	Ngân	Nam	15/05/2000	Cà Mau	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,75	6,75	6,67	21,17
79	717252	Phạm Xuân	Thế	Nam	15/04/2000	Phú Yên	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,33	6,33	6	20,66

Chào

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 2	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
80	717314	Nguyễn Xuân	Tú	Nam	02/03/1996	Đồng Nai	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,33	6,17	5,42	19,92
81	717309	Đỗ Thị Thanh	Truyền	Nữ	08/01/1999	Phú Yên	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,08	6,5	5,33	19,91
82	717141	LÊ VĂN	MINH	Nam	15/05/2000	Lâm Đồng	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,5	6,08	6,25	19,83
83	717110	Huỳnh Anh	Kiệt	Nam	25/12/2000	Trà Vinh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8	6	5,58	19,58
84	717293	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	Nữ	23/06/1998	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,5	6,08	5,83	19,41
85	717333	Lê Phạm Hiền	Vy	Nữ	30/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,67	5,5	6	19,17
86	717020	Nguyễn Đức	Bình	Nam	08/11/2000	Đắk Lắk	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,92	6	5,25	19,17
87	717006	Lương Thế	Án	Nam	06/01/2000	Quảng Ngãi	Huyết học - Truyền máu	Miễn	6,67	5,58	6,58	18,83
88	717262	Nguyễn Quốc Huy	Thịnh	Nam	04/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	5,17	6,83	6,33	5,67	18,83
89	717055	Chu Thị Phương	Hà	Nữ	26/10/2000	Đắk Lắk	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,25	5,58	6	18,83
90	717195	Võ Tấn	Phát	Nam	17/05/2000	An Giang	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,42	5,92	5,42	18,76
91	717229	Nguyễn Ngọc Đan	Tâm	Nữ	16/12/2000	Sóc Trăng	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,08	5,92	5,75	18,75
92	717184	Võ Khánh	Nhi	Nữ	25/11/2000	Vĩnh Long	Huyết học - Truyền máu	Miễn	8,25	6	4,5	18,75
93	717132	Trần Hoàng	Long	Nam	30/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,67	5,67	5,33	18,67
94	717017	Tạ Nguyên	Bảo	Nam	19/09/2000	Tây Ninh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	6	6,92	5,67	18,59
95	717253	Đào Thị Cẩm	Thi	Nữ	01/01/2000	Tiền Giang	Huyết học - Truyền máu	Miễn	6,33	6,08	6,17	18,58
96	717287	Nguyễn Thị Hương	Trà	Nữ	11/09/1999	Bình Phước	Huyết học - Truyền máu	Miễn	6,67	5,83	5,25	17,75
97	717004	Nguyễn Lê Nhã	An	Nữ	02/05/2000	Tiền Giang	Huyết học - Truyền máu	Miễn	6,08	6,08	5,17	17,33
98	717294	Nguyễn Mai Thuý	Trang	Nữ	14/12/2000	Gia Lai	Huyết học - Truyền máu	Miễn	6,5	4,92	5,75	17,17
99	717136	Ngô Đình	Mạnh	Nam	30/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	7,75	6,42	6,17	4,42	17,01
100	717218	Phạm Ngọc Mỹ	Quỳnh	Nữ	02/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	6,42	5,25	5,17	16,84
101	717244	Cao Như	Thảo	Nữ	02/01/2000	Sóc Trăng	Huyết học - Truyền máu	Miễn	5,92	5,25	5,5	16,67
102	717113	Nguyễn Văn	Kiệt	Nam	03/09/2000	An Giang	Huyết học - Truyền máu	Miễn	5,83	5,83	4,5	16,16
103	717180	Phạm Hoàng Yến	Nhi	Nữ	18/04/1999	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	7,08	4,42	4,5	16
104	717275	Trần Thị Diệu	Thúy	Nữ	20/01/2000	Phú Yên	Huyết học - Truyền máu	Miễn	5,5	5,17	4,83	15,5
105	717036	Hoàng Thị Thúy	Diễm	Nữ	15/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	5,83	4	4,75	14,58
106	717059	Lê Thị Thuý	Hằng	Nữ	30/07/1999	Đồng Nai	Huyết học - Truyền máu	Miễn	5,42	4,58	3,58	13,58
107	717196	Huỳnh Tấn	Phi	Nam	22/09/2000	Tây Ninh	Huyết học - Truyền máu	Miễn	5,5	4,67	3,33	13,5
108	717058	Lý Gia	Hân	Nữ	07/05/2000	An Giang	Huyết học - Truyền máu	Miễn	4,92	4,25	3,67	12,84

Y
DU
NH
H
★

chao

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 2	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
109	717181	Phạm Mỹ Yến	Nhi	Nữ	26/12/1999	Đồng Nai	Huyết học - Truyền máu	Miễn	3,83	4,08	4,25	12,16
110	717250	Trần Huỳnh Phương	Thảo	Nữ	28/01/2000	An Giang	Huyết học - Truyền máu	6,5	4,33	3,5	3,67	11,5
111	717277	Huỳnh Ngọc Anh	Thy	Nữ	02/01/2000	Tiền Giang	Huyết học - Truyền máu	Miễn				
112	717044	Hoàng Anh	Dũng	Nam	20/02/2000	Bình Định	Huyết học - Truyền máu	Miễn				
113	717178	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	20/05/1999	Khánh Hòa	Huyết học - Truyền máu	Miễn				
114	717230	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	27/07/2000	Đồng Tháp	Lao	Miễn	8,67	7,33	6,42	22,42
115	717083	Nguyễn Phước Bảo	Huy	Nam	28/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Lao	Miễn	8,5	6,67	7,75	22,92
116	717172	Nguyễn Quang	Nhân	Nam	21/09/2000	Đồng Nai	Lao	Miễn	9,08	6,92	6,75	22,75
117	717299	Nguyễn Quang	Triệu	Nam	09/08/2000	Quảng Ngãi	Lao	Miễn	8,5	6,33	7,5	22,33
118	717043	Võ Thị Thùy	Dung	Nữ	14/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Lao	Miễn	8,25	6,58	5,83	20,66
119	717303	Nguyễn Ngọc Bảo	Trúc	Nữ	07/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Lao	6,25	8	6,08	5,58	19,66
120	717087	Nguyễn Văn	Huỳnh	Nam	09/08/1999	Bạc Liêu	Lao	Miễn	6,75	6,42	5,5	18,67
121	717003	Lê Thúy	An	Nữ	28/01/2000	Kiên Giang	Lao	Miễn	6,75	5,42	5,75	17,92
122	717147	Hoàng Nhật	Nam	Nam	15/10/2000	Bình Định	Lao	Miễn	5,33	6,92	4,58	16,83
123	717300	Đinh Huỳnh	Trình	Nữ	22/12/2000	Quảng Nam	Lao	Miễn	4,33	4,5	4,08	12,91
124	717021	Phạm Nguyễn An	Bình	Nữ	26/11/2000	Đắk Lắk	Lao	Miễn	3,5	4	3,58	11,08
125	717052	Trần Hoàng	Gia	Nam	14/04/2000	An Giang	Lao	Miễn				
126	717093	Nguyễn Quốc Trần	Khang	Nam	29/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	Miễn	8,67	7,17	6,25	22,09
127	717056	Hoàng Đỗ Ngọc	Hà	Nữ	24/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nội tiết	Miễn	8,92	6,5	6,17	21,59
128	717140	Trần Bình	Minh	Nam	29/02/2000	Cà Mau	Nội tiết	Miễn	8,25	6,42	5,92	20,59
129	717214	Lê Thành	Quyết	Nam	09/04/2000	Quảng Ngãi	Nội tiết	Miễn	7,75	6,17	5,83	19,75
130	717097	Nguyễn Phạm Minh	Khanh	Nữ	22/11/2000	Bình Thuận	Nội tiết	Miễn	6,25	5,83	5,75	17,83
131	717216	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	09/01/2000	Lâm Đồng	Nội tiết	Miễn	7,75	5,5	4	17,25
132	717217	Nguyễn Trần Ngọc	Quỳnh	Nữ	23/08/2000	Đắk Lắk	Nội tiết	6,5	5,33	5,08	4,92	15,33
133	717001	Châu Phạm Quốc	An	Nam	12/11/2000	Cần Thơ	Nội tiết	Miễn	5,83	4,83	4,17	14,83
134	717076	Lê Thị Tiểu	Hương	Nữ	26/06/2000	Đắk Lắk	Nội tiết	Miễn				
135	717101	Nguyễn Quang	Khiêm	Nam	02/02/2000	Quảng Ngãi	Phục hồi chức năng	Miễn	9,17	7,5	5,92	22,59
136	717064	Lê Thị Mỹ	Hào	Nữ	05/11/2000	Bình Định	Phục hồi chức năng	Miễn	8,75	6,67	5,33	20,75
137	717319	Nguyễn Hoàng	Tùng	Nam	14/12/2000	Tây Ninh	Phục hồi chức năng	8	7,83	5,75	5,75	19,33

OC
OC
PHC
MIN

Chao

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 2	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
138	717051	Phạm Thị Cẩm	Duyên	Nữ	15/11/1999	Thừa Thiên Huế	Phục hồi chức năng	7,33	7,58	5,33	6,25	19,16
139	717221	Trịnh Thúy	Quỳnh	Nữ	07/03/2000	Bạc Liêu	Phục hồi chức năng	Miễn	7,5	5,83	5,58	18,91
140	717207	Nguyễn Ngọc Thanh	Phương	Nữ	02/10/2000	Kiên Giang	Phục hồi chức năng	Miễn	6,67	6,33	5,5	18,5
141	717291	Nguyễn Hiểu	Trân	Nữ	13/09/2000	Thừa Thiên Huế	Phục hồi chức năng	Miễn	4,5	5,25	4,83	14,58
142	717098	Vũ Hồng	Khanh	Nam	21/09/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phục hồi chức năng	Miễn	4,83	3,17	3,92	11,92
143	717280	Hoàng Trọng	Tín	Nam	08/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Truyền nhiễm	Miễn	8,83	7,58	6,75	23,16
144	717072	Hứa Thanh	Hòa	Nam	07/01/2000	Trà Vinh	Truyền nhiễm	Miễn	8,58	7,58	6,5	22,66
145	717276	Phạm Phương	Thùy	Nữ	03/06/2000	Tiền Giang	Truyền nhiễm	Miễn	7,75	7,08	6,5	21,33
146	717311	Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	22/11/1994	Đồng Nai	Truyền nhiễm	Miễn	7,83	7,08	5,42	20,33
147	717138	Nguyễn Thanh	Minh	Nam	20/05/2000	Kon Tum	Truyền nhiễm	Miễn	8,58	6,83	6,5	21,91
148	717135	Lê Nhật	Mai	Nữ	23/12/2000	Đồng Tháp	Truyền nhiễm	Miễn	8	6,83	6,75	21,58
149	717149	Phan Hồ	Nam	Nam	13/05/2000	Đồng Tháp	Truyền nhiễm	Miễn	8,17	6,83	6,17	21,17
150	717316	Lương Gia	Tuấn	Nam	15/10/1995	An Giang	Truyền nhiễm	Miễn	8,25	6,83	6,08	21,16
151	717041	Nguyễn Hữu	Đông	Nam	11/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Truyền nhiễm	Miễn	8,17	6,17	6,67	21,01
152	717298	Phan Minh	Triết	Nam	09/09/2000	An Giang	Truyền nhiễm	Miễn	7,17	6,83	6,83	20,83
153	717228	Lê Nhật	Tâm	Nam	14/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Truyền nhiễm	Miễn	7,92	6,5	5,42	19,84
154	717120	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	08/05/2000	Hải Dương	Truyền nhiễm	Miễn	8,25	5,33	5,67	19,25
155	717270	Võ Phạm Minh	Thư	Nữ	20/11/2000	Trà Vinh	Truyền nhiễm	Miễn	6,83	6,42	5,67	18,92
156	717208	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	02/09/2000	Đắk Lắk	Truyền nhiễm	Miễn	6,75	5,5	6,42	18,67
157	717118	Lê Hoàng	Lâm	Nam	14/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Truyền nhiễm	Miễn	6,67	6,08	5,17	17,92
158	717285	Phạm Anh	Tôn	Nam	20/10/2000	Long An	Truyền nhiễm	7,67	7,33	5,5	5,08	17,91
159	717037	Phạm Phước	Điền	Nam	07/04/2000	An Giang	Truyền nhiễm	Miễn	7	5,75	5	17,75
160	717185	Vương Hoàng	Nhi	Nữ	23/06/2000	An Giang	Truyền nhiễm	Miễn	5,75	5,75	5,92	17,42
161	717235	Phạm Lý Duy	Thái	Nữ	05/03/2000	An Giang	Truyền nhiễm	Miễn	5,33	5,17	4,67	15,17
162	717068	Võ Lý Bảo	Hiệp	Nam	23/04/1999	Quảng Ngãi	Truyền nhiễm	Miễn	4,83	5	4,42	14,25
163	717112	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	12/08/2000	Quảng Ngãi	Truyền nhiễm	Miễn	5,25	3,58	4,67	13,5
164	717007	Đào Lê Vân	Anh	Nữ	05/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Truyền nhiễm	Miễn				
165	717251	Trần Thị Ngọc	Thảo	Nữ	09/04/2000	Đồng Nai	Truyền nhiễm	Miễn				
166	717026	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	23/10/1999	Đà Nẵng	Y học gia đình	Miễn	8,67	7,67	7,17	23,51

Chào

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 2	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
167	717040	Nguyễn Quang	Định	Nam	25/06/2000	Bình Định	Y học gia đình	Miễn	9,08	7,5	6,33	22,91
168	717310	Lâm Khả	Tú	Nữ	13/10/1999	Bạc Liêu	Y học gia đình	Miễn	8,25	7,08	7,08	22,41
169	717169	Mai Thanh	Nhã	Nữ	01/02/2000	Khánh Hòa	Y học gia đình	Miễn	8,33	7,17	6,75	22,25
170	717190	Kha Hồng	Nhung	Nữ	06/09/2000	Trà Vinh	Y học gia đình	Miễn	8,17	7,17	6,58	21,92
171	717027	Võ Thành	Chung	Nam	16/10/2000	Quảng Ngãi	Y học gia đình	Miễn	8,92	6,83	7,58	23,33
172	717107	Nguyễn Tấn	Khôi	Nam	02/07/2000	Vĩnh Long	Y học gia đình	Miễn	8,67	6,58	7,5	22,75
173	717200	Võ Quốc	Phú	Nam	02/02/2000	Bình Dương	Y học gia đình	Miễn	8,33	6,75	7,17	22,25
174	717024	Võ Trà Bảo	Châu	Nữ	29/04/2000	An Giang	Y học gia đình	Miễn	8,75	6,75	6,75	22,25
175	717153	Huỳnh Thị Thuý	Ngân	Nữ	13/09/2000	Vĩnh Long	Y học gia đình	Miễn	9	6,17	6,92	22,09
176	717213	Nguyễn Nhật	Quyên	Nữ	08/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	Miễn	8,42	6,58	6,42	21,42
177	717265	Huỳnh Thị Thanh	Thư	Nữ	24/08/2000	Bình Định	Y học gia đình	Miễn	6,19	6,92	7,08	20,19
178	717142	Ngô Kiều Diễm	My	Nữ	22/08/2000	Tây Ninh	Y học gia đình	Miễn	7,67	6,75	5,08	19,5
179	717030	Tô Minh	Đăng	Nam	23/03/2000	Khánh Hòa	Y học gia đình	Miễn	7,08	5,58	6,33	18,99
180	717057	Huỳnh Ngân	Hà	Nữ	04/02/1999	Đà Nẵng	Y học gia đình	Miễn	7,25	5,33	5,5	18,08
181	717295	Hà Thiện	Trí	Nam	12/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	Miễn	6,33	5,58	5,33	17,24
182	717248	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	18/01/2000	Thái Nguyên	Y học gia đình	Miễn	7,25	5,5	3,5	16,25
183	717086	Võ Thị Như	Huyền	Nữ	18/02/2000	Quảng Ngãi	Y học gia đình	4,42	5,08	5,42	5,67	16,17
184	717095	Nguyễn Công	Khanh	Nam	01/01/2000	Quảng Nam	Y học gia đình	Miễn				
185	717204	LƯU THỊ	PHƯỚC	Nữ	15/02/2000	Kon Tum	Y học gia đình	Miễn				

Ấn định danh sách có 185 (Một trăm tám mươi lăm) thí sinh.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

HIỆU TRƯỞNG
Ngô Quốc Đạt